TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI** **----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **---------**
Số: **385/**2018/QĐST–HNGĐ	*B, ngày 03 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ thụ lý số 100/2018/TLST– HNGĐ ngày 08/1/2018 về việc "Xin ly hôn" giữa:

* *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Quang T**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: D14, tổ 26, KP.3, Phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

* *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Yến N**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 703/10 Phạm Văn Thuận, KP.2, Phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 110 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị Yến N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị Yến N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Bảo N1, sinh ngày 05/10/2013. Ly hôn, giao cháu N1 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và tạm thời ông T cấp dưỡng nuôi cháu N1 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng/tháng) kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu trưởng thành và có khả năng lao động.

Ông T được quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Về án phí: ông T tự nguyện nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí HNGĐ hòa giải thành và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 003857/THA ngày 19/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Đương sự;
- VKS ND TP.B;
- Chi cục THADS TP.B;
- UBND Phường L, TP.B, tỉnh Đồng Nai.

Thái Thị Thanh B